

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày 22 - 3- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Ngọc Luyện.

Bà Đào Hoàng Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Đức C, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1995 tại L;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn A và bà Lương Thị Q (đều đã chết); Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: 02 tiền án

+ Ngày 29/10/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 15 tháng tù giam về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Ngày 22/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: Không có.

Bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L từ ngày 29/12/2017 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 05 phút ngày 26/12/2017 tại trước cửa khách sạn K, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, Tổ công tác Công an thành phố L phát hiện Phạm Đức C có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Duy H. Thu giữ trong túi quần bên phải phía trước đang mặc của Nguyễn Duy H một túi nilon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, thu giữ của Phạm Đức C 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động hiệu GOLY màu đồng cũ đã qua sử dụng số IMEI 1: 356609070437932; IMEI 2: 356609070437940.

Tại bản kết luận giám định số 48/KL-PC54 ngày 28/12/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất tinh thể đựng trong 01 gói nilon thu giữ của Nguyễn Duy H gửi giám định là ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng là 0,104 gam.

Cáo trạng số 41/KSĐT ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Phạm Đức C có hành vi phạm tội và lý lịch nêu trên ra trước Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Đức C và Nguyễn Duy H khai nhận: Phạm Đức C nghiện chất ma túy, để có ma túy sử dụng, Phạm Đức C đã đi mua ma túy với người khác nhằm bán kiếm lời. Trong thời gian từ ngày 22/12/2017 đến ngày 26/12/2017 Phạm Đức C đã nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Duy H, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào hồi 21 giờ ngày 22/12/2017 tại ngã ba E giao với đường P, Phạm Đức C bán cho Nguyễn Duy H 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ sáng ngày 26/12/2017 cũng tại ngã ba E giao với đường P, Phạm Đức C bán cho Nguyễn Duy H 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Lần thứ ba: Khoảng hơn 12 giờ ngày 26/12/2017 Nguyễn Duy H gọi điện cho Phạm Đức C hỏi mua ma túy đá, Phạm Đức C đã đồng ý và mang lên khách sạn K để bán cho Nguyễn Duy H. Khi đến nhà xe của khách sạn gặp Nguyễn Duy H, Phạm Đức C đã bán cho Nguyễn Duy H 01 túi nilon ma túy đá với giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thì bị bắt quả tang và thu giữ tang vật nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đức C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, cụ thể: Khoảng 13 giờ 05 phút ngày 26/12/2017, tại khách sạn K, đường M, phường V, thành phố L, Phạm Đức C có hành vi bán trái phép chất

ma túy đá cho Nguyễn Duy H thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra bị cáo còn khai nhận trong thời gian từ ngày 22/12/2017 đến ngày 26/12/2017 bị cáo đã nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Duy H như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 194; Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999;

- + Xử phạt bị cáo Phạm Đức C từ 08 đến 09 năm tù.

- + Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật còn lại sau giám định.

- + Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có.

- + Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu GOLY màu đồng cũ đã qua sử dụng.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố L; Viện kiểm sát nhân dân thành phố L và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Lời khai của bị cáo Phạm Đức C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 13 giờ 05 phút ngày 26/12/2017, tại khách sạn K, đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn Phạm Đức C có hành vi bán trái phép chất ma túy đá cho Nguyễn Duy H thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra bị cáo còn khai nhận trong thời gian từ ngày 22/12/2017 đến ngày 26/12/2017 bị cáo đã nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Duy H và đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Đức C đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Phạm Đức C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Bị cáo nhận thức rõ ma túy là chất gây nghiện, có tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người, tiêu tốn về kinh tế; ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác; nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy nhằm phục vụ lợi ích bất hợp pháp của bản thân. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật.

[5] Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” năm 2014 và năm 2016 chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[9] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, yếu tố về nhân thân, Hội đồng xét xử xem xét, quyết định một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 09/01/2018 xác định: Bị cáo Phạm Đức C không có việc làm ổn định và không có tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 phong bì niêm phong mẫu vật ma túy còn lại sau giám định; đây là vật Nhà nước cấm lưu hành, vì vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo, xét thấy số tiền này là do phạm tội mà có, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu GOLY màu đồng cũ đã qua sử dụng số IMEI 1: 356609070437932; IMEI 2: 356609070437940 mà bị cáo đã sử dụng liên lạc mua bán ma túy với Nguyễn Duy H, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước.

[15] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo là người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Đối với người đàn ông có tên là X đã bán ma túy cho bị cáo Phạm Đức C, do bị cáo không rõ lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ xử lý trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với Nguyễn Duy H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Duy H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[18] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 194; điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đức C 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 26/12/2017.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu để tiêu hủy 01 phong bì đựng mẫu vật là chất ma túy còn lại sau giám định.

+ Tịch thu, hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu GOLY màu đồng cũ đã qua sử dụng số IMEI 1: 356609070437932; IMEI 2: 356609070437940.

+ Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28 tháng 02 năm 2018. Số tiền 300.000 đồng hiện đang được gửi tại tài khoản số 3949.0.9048806.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn theo Ủy nhiệm chi ngày 06 tháng 3 năm 2018).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Đức C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố L;
- Công an thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bằng